

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày 22-01-2024

V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Lộc Sơn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17-11-2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 15-12-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Hương G, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 25B, ngõ 116, đường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ liên lạc: Số 86, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 189, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 6A, ngõ 167, đường M, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức T; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn N; vắng mặt.

5. Bà Tô Bội Thanh; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 189, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Anh Nguyễn Đức T; theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2023, có mặt.

6. Anh Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Số 67, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: Ngõ 1, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Chu Mạnh Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 22/2, đường M, khối 8, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Nông Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 8, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Hoàng Hương G là nguyên đơn và anh Nguyễn Đức V là bị đơn trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Hương G trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức V đã thuận tình ly hôn năm 2022, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 169/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Về con chung: Không có; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Hương G yêu cầu anh Nguyễn Đức V chia tài sản chung vợ chồng nhưng anh V không đồng ý. Ngày 08-3-2023, chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm: Ngôi nhà diện tích 150m² tại địa chỉ số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; 01 xe máy loại SH mode; 01 tivi loại Sony 65 inch, màu đen; 01 bộ bàn ghế tay voi 10, loại gỗ hương đỏ; 01 máy điều hòa; 01 nhà để xe ô tô; 01 tủ đựng quần áo. Về ngôi nhà là chị đã bỏ tiền ra xây dựng, chị có ý kiến ngôi nhà giao cho anh V quản lý, sử dụng, anh V phải hoàn trả lại cho chị số tiền mà chị đã bỏ ra xây dựng ngôi nhà là 1.245.000.000 đồng. Đối với phần tài sản là các trang thiết bị, chị nhất trí giao cho anh V sử dụng và anh V phải trả cho chị bằng tiền với 50% phần giá trị tài sản là 97.000.000 đồng. Tổng giá trị mà chị yêu cầu anh Nguyễn Đức V phải

thanh toán cho chị là 1.324.000.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V trình bày: Vợ chồng anh đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 169/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Về con chung: Không có, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Về nguồn gốc đất và ngôi nhà tại địa chỉ số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là của anh Nguyễn Đức T (anh trai anh V), anh T là người bỏ tiền ra xây nhà nên ngôi nhà này không phải là tài sản chung của anh và chị G. Do đó anh không nhất trí với yêu cầu của chị G về việc chia tài sản là ngôi nhà tại số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Anh nhất trí chia đôi tài sản chung gồm có: Xe máy Vision đã bán, xe SH mode và bộ bàn ghế gỗ hương tay voi. Anh nhất trí cho chị Hoàng Hương G được sở hữu xe SH mode và bộ bàn ghế gỗ hương tay voi. Anh yêu cầu chị Giang thanh toán 1/2 giá trị các tài sản trên bằng tiền mặt cho anh.

Về nợ chung, quá trình sống chung, anh và chị G có các khoản nợ chung như sau: Năm 2007, vay anh Nguyễn Đức T 300.000.000 đồng để làm ăn, năm 2013 vay ông Nguyễn Văn N 150.000.000 đồng để mua bộ bàn ghế gỗ hương, năm 2018 vay anh Nguyễn Văn Q số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản của chị Hoàng Hương G để làm ăn. Năm 2020 vay ông N số tiền 600.000.000 đồng để mua xe ô tô Tuc Son biển kiểm soát 12A-14878. Nay anh yêu cầu chị Hoàng Hương G và anh mỗi người phải trả 1/2 số nợ chung nói trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Anh Nguyễn Đức T trình bày:* Ngôi nhà số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đất và nhà là của anh, anh bỏ tiền ra xây nhà. Anh V và chị G không có đóng góp gì trong việc xây nhà. Thời điểm xây nhà do công việc bận nên anh đã đưa tiền cho ông T là bố để chị G giúp anh đứng ra quản lý việc xây nhà, gọi thợ xây và trả tiền xây nhà cho thợ, ông T đã chết vào năm 2019. Nhà đất này là của anh, anh chỉ cho anh V, chị G ở nhờ, khi xây nhà anh chưa xin giấy phép xây dựng nên sau đó đã bị Ủy ban phường V phạt. Anh không nhất trí việc chị G yêu cầu chia nhà đất này vì đó là tài sản của anh.

Năm 2007, anh có cho anh V vay số tiền 300.000.000 đồng, do anh và anh V là anh em ruột nên khi cho vay tiền anh và anh V không lập giấy tờ vay mượn gì, chỉ nói miệng. Anh V, chị G sử dụng số tiền này vào việc gì thì anh không rõ. Khi anh cho anh V vay tiền, anh V và chị G vẫn là vợ chồng nên anh yêu cầu anh V và chị G cùng liên đới trả anh số tiền 300.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh là em rể của anh V. Chị G là chị dâu của anh. Khoảng năm 2018-2019, anh cho chị G, anh V vay số tiền 200.000.000 đồng để mua xe ô tô, anh đã chuyển tiền vào tài khoản của chị G, do lâu ngày anh không nhớ số tài khoản của chị G. Do là anh em nên lúc vay không có giấy

tờ gì cả. Thời gian đó anh đang làm giám đốc công ty xây dựng đường bê tông làm ăn được nên có tiền cho vay. Anh đã đòi anh V, chị G trả tiền nhiều lần nhưng anh V, chị G chưa trả. Nay anh yêu cầu anh V, chị G có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho anh, mỗi người trả 1 nửa. anh không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Đức V. Ngôi nhà mà chị G yêu cầu chia là do anh Nguyễn Đức T là anh trai ruột của anh V xây, tiền xây nhà hoàn toàn là của anh T, anh T cho anh V và chị G ở nhờ, ông không nhất trí với yêu cầu chia nhà của chị G. Trong năm 2013, ông có cho vợ chồng chị G, anh V vay số tiền 150.000.000 đồng để mua đồ dùng trong gia đình. năm 2020, ông có cho anh V, chị G vay số tiền 600.000.000 đồng. khi cho vay hai bên không lập giấy tờ vay mượn gì. Nay ông yêu cầu anh V và chị G phải liên đới trả ông số tiền đã vay, ông không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Tô Bội T trình bày: Bà là mẹ chồng của chị Hoàng Hương G, bà không có tài sản gì ở số nhà 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Việc ông N cho chị G, anh V vay mượn như thế nào thì bà không biết. Nếu chị G, anh V vay tiền ông N thì các bên tự giải quyết, bà không liên quan gì.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Hoàng Hương G. Về tiền xây ngôi nhà ở số 53, ngõ 82, khối 9, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là của bà cho chị G. Tổng số tiền bà đã cho chị G để xây dựng ngôi nhà là 1.245.000.000 đồng. Bà nhất trí với yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị G, đề nghị chia theo giá trị của tài sản. Bà đã cho chị G tiền xây nhà, bà không có ý kiến gì đối với số tiền đó.

- Người làm chứng

Anh Vũ Văn B trình bày: Khoảng năm 2013 anh được bà Nguyễn Thị M thuê để xây nhà tại ngõ 82, đường M, phường V, thành phố L, anh được biết bà M xây nhà cho con gái là chị Hoàng Hương G và con rể là anh V ở. Bà M là người trực tiếp trả toàn bộ tiền nhân công xây dựng cho anh, còn vật liệu xây dựng thì bà M tự mua, anh chỉ chịu trách nhiệm về nhân công xây dựng. Sau khi xây nhà xong thì bà M đã trả anh tất cả là khoảng 120.000.000 đồng tiền công xây nhà. Anh không giao dịch, làm việc gì với bên nhà anh V cả, anh chỉ làm việc cùng bà M, anh đã chỉ đạo nhân công xây toàn bộ công trình nhà cho nhà bà M. Bà M đã thanh toán tiền công cho anh đầy đủ.

+ *Ông Chu Mạnh Đ trình bày:* Gia đình ông bán vật liệu xây dựng từ khoảng năm 2007 đến nay. Năm 2013 ông có được bán vật liệu xây dựng gồm có xi măng, sắt, thép cho bà Nguyễn Thị M để xây nhà, bà M mua vật liệu xây dựng hết bao nhiêu tiền thì ông không nhớ, do thời gian đã lâu nên ông không còn lưu giữ được chứng từ.

+ *Anh Nông Văn T trình bày:* Anh làm nghề chở vật liệu xây dựng, khoảng năm 2013 bà Nguyễn Thị M đã gặp anh và nhờ anh chở gạch, cát, xi măng đến bán cho bà M ở công trình nhà ở ngõ 82, đường M, phường V, thành phố L. Bà M đã trả tiền vật liệu xây dựng cho anh đầy đủ. Do thời gian đã

lâu nên anh không còn lưu giữ được giấy tờ nhận tiền, chứng từ nhận tiền. Số tiền bà M mua vật liệu xây dựng với anh là khoảng 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hoàng Hương G rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Chị không yêu cầu chia đôi với chiếc tivi Sony 65 inch, 01 máy điều hòa, 01 tủ đựng quần áo. Chị G chỉ yêu cầu:

- Đối với tiền xây nhà cấp 4, mái thái; tường bao; cổng; mái tôn nhà để xe, chị yêu cầu anh V thanh toán cho chị G bằng tiền mặt đối với 1/2 trị giá tài sản trên.

- Yêu cầu chia 1/2 giá trị xe máy Vision, xe máy SH và bộ bàn ghế gỗ hương, chị yêu cầu được quản lý, sử dụng xe máy Vision, xe máy SH và bộ bàn ghế gỗ hương, chị Giang sẽ trả lại 1/2 giá trị các tài sản trên bằng tiền mặt cho anh V.

- Chị G đã được nhận 200.000.000 đồng của anh Q chuyển vào tài khoản của chị, nhưng chị cho rằng đây là tiền của anh V gửi anh Q, không phải tiền vay anh Q; nên các khoản nợ anh V đưa ra chị G không nhất trí trả.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của nguyên đơn chị Hoàng Hương G, cụ thể:

- 1.1 Chị Hoàng Hương G được quyền sở hữu 01 xe máy SH mode, biển số 12P1-130.12, xe màu xanh đen, đăng ký xe mang tên Hoàng Hương G; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ hương tay voi, tiền bán xe Vision, biển kiểm soát 12H1-394.77 là 23.000.000 đồng (chị Hoàng Hương G đang giữ 23.000.000 đồng tiền bán xe Vision);

- 1.2 Anh Nguyễn Đức V được sở hữu, sử dụng, quản lý 01 nhà cấp 4 loại 3A, nền lát gạch men, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ và kính, mái lợp ngói nung đỏ và tôn, diện tích 140,5m²; tường bao quanh (tường cổng) được xây dựng bằng gạch ba banh, tổng diện tích 73,2m²; cổng làm bằng sắt, diện tích 9,69m²; mái tôn sân cạnh nhà (nhà để xe) được lợp bằng tôn chống nóng, diện tích 32,4m²; sân lát gạch nung đỏ, diện tích sân 70m² được xây dựng trên đất tại địa chỉ số 53, ngõ 82, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- 1.3 Anh Nguyễn Đức V có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Hương G số tiền chênh lệch là 117.861.495 đồng.

2. Buộc chị Hoàng Hương G và anh Nguyễn Đức V, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là chiếc tivi, điều hòa và tủ gỗ vì chị Hoàng Hương G rút yêu cầu. Chị Hoàng Hương G có quyền khởi kiện lại đối với các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức V về việc yêu cầu chị Hoàng Hương G và anh Nguyễn Đức V phải liên đới thanh toán cho anh Nguyễn Đức T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Đức V về việc yêu cầu chị Hoàng Hương G và anh Nguyễn Đức V phải liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.700.000 đồng. Anh Nguyễn Đức V và chị Hoàng Hương G mỗi người phải chịu 1.350.000 (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Chị Hoàng Hương G đã nộp đủ chi phí tố tụng. Do chị Hoàng Hương G đã nộp tạm ứng trước nên anh Nguyễn Đức V có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Hoàng Hương G số tiền 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, nguyên đơn chị Hoàng Hương G kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo hướng không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức V về khoản nợ 200.000.000 đồng của anh Q.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn do có vi phạm nghiêm trọng tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan.

Ngày 17-10-2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vì có vi phạm về tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hoàng Hương G thay đổi nội dung kháng cáo, đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ quy định của pháp luật hủy một phần bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn không chấp nhận về phần trả nợ số tiền 100 triệu đồng cho anh Nguyễn Văn Q.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn do có vi phạm nghiêm trọng tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan. Đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia

tổ tụng được triệu tập có mặt tại phiên tòa, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của người kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Hương G và bị đơn anh Nguyễn Văn V kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong thời hạn luật định, do đó kháng cáo và kháng nghị đều hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của chị Hoàng Hương G, kháng cáo đối với một phần bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức V về khoản nợ 200.000.000 đồng của anh Q đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm; khi giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn theo yêu cầu của chị G, xác định có khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án sơ thẩm đưa anh Q tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, anh Q yêu cầu chị G, anh V phải trả nợ, mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không hướng dẫn anh Q có đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí, cũng chưa thụ lý yêu cầu độc lập của anh Q nhưng đã giải quyết buộc chị G, anh V trả nợ là vi phạm Điều 195, Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức V kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan. Sau khi được phân công giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành thu thập bổ sung chứng cứ, cụ thể tiến hành lấy lời khai đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Bội T (BL 194), ông Chu Mạnh Đ (BL 201), ông Nông Văn T (BL 204), về việc nhận tiền công xây nhà khoảng 200.000.000 đồng. Ngày 19/9/2023 Thẩm phán Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều trình bày không nhận được Thông báo của Tòa án để tiếp cận các tài liệu mới thu thập được. Đến ngày 19/9/2023 TAND thành phố Lạng Sơn nhận được Đơn đề nghị của anh V về việc hoãn phiên tòa, lý do có công việc đột xuất không kịp sắp xếp công việc để về Lạng Sơn nên không thể tham gia phiên tòa vào ngày 20/9/2023 được. Ngày 20/9/2023 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn vẫn mở phiên tòa. Căn cứ Án lệ số 12/2017/AL được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28/12/2017 của Chánh án TANDTC, xác định anh V vắng mặt lần thứ nhất, thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, nhưng ngày 20/9/2023 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là không đảm bảo về thủ tục tố tụng. Đối với các tài sản là ngôi nhà và công trình kiến trúc ... theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh V hoàn trả số tiền mà nguyên đơn bỏ ra xây dựng nhà là 1.245.000.000 đồng. Theo kết quả định giá tài sản, xác định giá trị là 363.722.918 đồng, khi giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu khởi kiện của chị Giang, rút một phần yêu cầu khởi kiện hay không, nhưng bản án sơ thẩm xác định số tiền ngôi nhà theo kết quả định giá để chia đôi là không đảm bảo, vi phạm thủ tục tố tụng. Do có vi phạm về thủ tục tố tụng như đã nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Quyết định của Bản án sơ thẩm buộc chị G, anh V mỗi người phải chịu 16.718.647 đồng án phí là không chính xác theo

quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ để hủy một phần bản án HNGĐ sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-DS ngày 20/9/2023 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại về phần nợ anh Quỳnh theo đúng quy định của BLTTDS theo quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, nên cần hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, do hủy bản án phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn, bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, một số đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đại diện hợp pháp của đương sự có mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức V đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, với các lý do sau: Phiên tòa mở lần thứ nhất ngày 31-8-2023, anh Nguyễn Đức V có mặt tại phiên tòa, vắng mặt chị Hoàng Hương G và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị G, chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Tô Bội T, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa, ấn định phiên tòa mở lại vào ngày 20-9-2023. Phiên tòa lần thứ hai ngày 20-9-2023 anh có việc đột xuất phải đi xa không thể về kịp để tham gia phiên tòa, nên anh đã gửi đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vẫn tiến hành xét xử là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy; đối với lần vắng mặt này của bị đơn anh Nguyễn Đức V, phải được coi là vắng mặt lần thứ nhất; Hội đồng xét xử sơ thẩm cần phải hoãn phiên tòa, để không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bao gồm cả quyền được tham gia tố tụng, quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy

định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần áp dụng án lệ số 12/2017/AL ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án.

[3] Hơn nữa, đối với vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp tài sản sau ly hôn. Tuy nhiên, tài sản có giá trị lớn như chiếc xe ô tô TucSon và một số khoản nợ chung của vợ chồng chưa được làm rõ. Bởi tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn khai vợ chồng có mua một chiếc xe ô tô ký hiệu Tucson ... Biên bản phiên tòa (BL số 214, 215), phù hợp với lời khai của anh Vượng về việc có vay mượn tiền để mua chiếc ô tô nêu trên. Đồng thời, Bản án sơ thẩm nêu ông Chu Mạnh Đ và ông Nông Văn T là người làm chứng về việc bà Nguyễn Thị M mua nguyên vật liệu xây dựng và bán vật liệu xây dựng cho bà M, nhưng anh Nguyễn Đức V chưa được thông báo tiếp cận lời khai của hai người này là vi phạm Điều 109 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời khai của hai người này, anh V cho rằng lời khai không khách quan, không có căn cứ. Do đó, anh V cho rằng anh không được tham gia phiên tòa, không được trình bày ý kiến của anh đối với các tài sản của vợ chồng và ý kiến đối với những người làm chứng; đồng thời yêu cầu những người này phải có mặt để làm rõ tại phiên tòa. Nên Bản án sơ thẩm xét xử vắng mặt anh, trong khi đó anh V có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do có việc đột xuất chưa kịp đi về Lạng Sơn tham gia phiên tòa. Như vậy đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Mặt khác, Bản án sơ thẩm không xem xét hết đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, về phần yêu cầu anh V phải thanh toán cho chị G số tiền chị bỏ ra xây dựng ngôi nhà là 1.245.000.000 đồng, tại phiên tòa chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tiền xây nhà. Nhưng không có văn bản, hay lời khai nào thể hiện chị G có rút một phần yêu cầu đối với số tiền nêu trên hay không. Bởi vậy, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của anh Nguyễn Đức V là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST, ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vì có vi phạm về tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay của anh Nguyễn Văn Q số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản của nguyên đơn để làm ăn. Anh Q cũng trình bày cho vợ chồng chị G, anh V vay 200.000.000 đồng. Nay anh Q yêu cầu chị G, anh V trả nợ cho anh, mỗi người một nửa không tính lãi. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị G không chấp nhận đó là tiền vay nợ, mà là tiền anh V gửi anh Q. Như vậy có cơ sở xác định anh Q có yêu cầu chị G, anh V phải trả khoản nợ 200.000.000 đồng, nhưng Tòa án chỉ xác định anh Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mà không yêu cầu anh Q làm đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí, không thụ lý yêu cầu độc lập của anh Q, nhưng đã buộc chị Giang, anh Vượng trả nợ là vi phạm Điều 105, Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bản án sơ thẩm còn có thiếu sót; tại mục [22] phần nhận định và mục 7 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm buộc chị G, anh V mỗi người phải chịu 16.718.647 đồng án phí là không chính xác theo quy định tại khoản 2 Điều 147

Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí. Đồng thời Bản án sơ thẩm tuyên anh Nguyễn Đức V được sở hữu, sử dụng, quản lý 01 nhà cấp 4 loại 3... xây dựng trên đất tại địa chỉ... nhưng không nêu tài sản trên đất thuộc thửa đất nào là chưa đầy đủ. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, đây là vụ án tranh chấp chia tài sản sau ly hôn. Bởi vậy, khi giải quyết vụ án cần xác định đầy đủ đâu là tài sản chung, đâu là tài sản riêng và những khoản nợ chung, riêng của vợ chồng, có liên quan đến người thứ ba ra sao, có như vậy mới giải quyết triệt để được vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án.

[6] Đối với kháng cáo của chị Hoàng Hương G; Hội đồng xét xử thấy rằng; vụ án vừa có kháng cáo vừa có kháng nghị thì phải xem xét kháng cáo trước. Tuy nhiên, để xem xét giải quyết đối với vụ án này, chị Hoàng Hương G chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Do vậy cần xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trước. Như đã phân tích, nhận định nêu tại mục [2] đến mục [5] của Bản án. Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện khắc phục bổ sung được về phần lỗi do vi phạm Tố tụng. Để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định.

[7] Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn anh Nguyễn Đức Vượng được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận những vấn đề có cơ sở. Không chấp nhận những vấn đề không có căn cứ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm và chi phí Tố tụng sẽ được xem xét giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức V; chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn. Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xét xử sơ thẩm lại theo quy định.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí Tố tụng: Được xem xét lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Hương G và anh Nguyễn Đức V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp, theo Biên lai số AA/2023/0000101 ngày 09/10/2023 và Biên lai số AA/2023/0000103 ngày 10/10/2023, cho chị Hoàng Hương G và anh Nguyễn Đức V.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến